**BẢNG MA TRẬN ĐẶC TẢ KIẾN THỨC KIỂM TRA CUỐI HKI**

**MÔN : CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI – LỚP 11**

**THỜI GIAN LÀM BÀI : 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Công nghệ giống vật nuôi** | Bài 5: Nhân giống vật nuôi | **Nhận biết:**- Kể tên được các phương pháp nhân giống vật nuôi phổ biến.- Nêu được các đặc điểm cơ bản của các phương pháp nhân giống vật nuôi phổ biến. - Nêu được ưu và nhược điểm của các phương pháp nhân giống vật nuôi phổ biến.**Thông hiểu:**- Phân tích được ưu và nhược điểm của các phương pháp nhân giống vật nuôi phổ biến.- Xác định được phương pháp nhân giống vật nuôi phù hợp với mục đích của chọn giống.- Nêu được một số phương pháp nhân giống vật nuôi đang được áp dụng ở gia đình, địa phương.**Vận dụng**- Lựa chọn được phương pháp nhân giống vật nuôi phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và mục đích cụ thể.**Vận dụng cao**- Đề xuất phương pháp nhân một loại vật nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương. | 5 | 4 | 1 |  |
| 2 | **Công nghệ thức ăn chăn nuôi** | Bài 7: Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi | **Nhận biết:**- Trình bày được các khái niệm: nhu cầu dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của vật nuôi.- Nêu được ý nghĩa thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn đối với vật nuôi.- Nêu được vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi.**Thông hiểu:**- Phân biệt được các khái niệm: nhu cầu dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của vật nuôi.- Giải thích được ý nghĩa của việc xác định thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn đối với vật nuôi và chăn nuôi.- Giải thích được vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi.**Vận dụng:**- Phân tích được nhu cầu dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương.**Vận dụng cao:****-**Đề xuất vật nuôi phù hợp để chăn nuôi với nguồn thức ăn sẵn có ở địa phương. | 6 | 4 |  | 1 |
| Bài 8: Sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi | **Nhận biết:**- Kể tên được các nguyên liệu chính dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi.- Nêu được một số phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến.- Nêu được các phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi- Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến.- Nêu được tên các bước của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến.**Thông hiểu:**- Tóm tắt được một số phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến.- So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến.- Mô tả được các bước chế biến thức ăn chăn nuôi ở một số phương pháp chế biến phổ biến.- Trình bày được ứng dụng của công nghệ cao trong chế biến thức ăn chăn nuôi.- Lựa chọn được nguyên liệu phù hợp để chế biến thức ăn cho một loại vật nuôi cụ thể.- Lựa chọn được phương pháp phù hợp để chế biến thức ăn cho các đối tương vật nuôi khác nhau.**Vận dụng:**- Đề xuất được phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tiễn của gia đình, địa phương.**Vận dụng cao:**- Chế biến được một loại thức ăn vật nuôi phù hợp với thực tiễn của gia đình, địa phương. | 5 | 4 | 1 |  |
|  | **Tổng số câu** |  | **16** | **12** | **2** | **1** |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0.25 điểm, cho mỗi câu tự luận được quy định rõ trong đáp án và hướng dẫn chấm.

**-** Mỗi nội dung chỉ nên ra 1 câu hỏi vận dụng hoặc vận dụng cao.

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng.